

Số: 06/2022/QĐST- HNGĐ

B ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 69/2021/TLST - HNGĐ ngày 30/12/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Đức L.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Chị Lê Thị V.

Địa chỉ: Tổ 25 phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức L và chị Lê Thị V về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/1982 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau ngày cưới anh, chị về chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc anh chị cùng làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là do bất đồng quan điểm trong làm ăn tạo dựng cuộc sống và nuôi dạy con, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi, xúc phạm đến nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc. Thực tế anh chị đã tự sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay không còn ai quan tâm gì đến nhau nữa. Do vậy anh Trần Đức L và chị Lê Thị V đã thỏa thuận cùng nhau làm đơn đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh, chị theo quy định của pháp luật.

Xét thấy việc anh Trần Đức L và chị Lê Thị V về chung sống với nhau trên cơ sở là hoàn toàn tự nguyện từ tháng 02/1982 nhưng đến nay anh chị vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ vào nghị quyết 35/2000/QH10 về việc thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì việc chung sống như vợ chồng giữa anh Trần Đức L và chị Lê Thị V được xác lập trước ngày 03/01/1987 đến nay chưa đăng ký kết hôn có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo

ly hôn theo quy định của luật hôn nhân gia đình năm 2000. Do vậy sự thỏa thuận của anh Trần Đức L và chị Lê Thị V là tự nguyện, phù hợp với qui định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình. Nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Trần Đức L và chị Lê Thị V đều xác nhận anh, chị chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung cháu lớn: Trần Mạnh H - Sinh ngày: 20/01/1984; Cháu thứ 2: Trần Mạnh C - Sinh ngày: 04/3/1986. Hiện tại cháu khỏe mạnh phát triển bình thường không ốm đau bệnh tật gì và hiện nay cả 02 cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi và đã xây dựng gia đình. Nên khi ly hôn anh Trần Đức L và chị Lê Thị V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh chị đều xác nhận anh, chị có tạo dựng được một số tài sản chung. Anh chị đã tự thỏa thuận chia và đều không yêu cầu giải quyết. Nên không xem xét giải quyết.

[4] Về công nợ: Trong thời gian chung sống anh, chị đều xác nhận vợ chồng không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Trần Đức L và chị Lê Thị V thỏa thuận để chị Lê Thị V chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức L và chị Lê Thị V.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị V chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị Lê Thị V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002792 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Xác nhận chị Lê Thị V đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện B(02);
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS – TQĐ- VP (3).

THẨM PHÁN

Đã ký

Phạm Như Long